

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/DS-PT

Ngày: 13 - 6 - 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Hàng Lâm Viên**

*Các Thẩm phán:*

**Bà Ngô Thị Trang**

**Bà Trần Thị Diệu**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đàm Vân Nha – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:**

Ông Ngô Văn Nghị – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân huyện N, tỉnh Ninh Thuận, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Trương Thị L, sinh năm 1965; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

**2. Bị đơn:** Bà Sử Thị T, sinh năm 1974; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

**3. Người kháng cáo:** Bà Sử Thị T; Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Trương Thị L trình bày:***

Ngày 14/4/2022 bà Sử Thị T vay bà 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) để phục vụ nhu cầu làm ăn, bà đã chuyển khoản cho bà T đủ tiền đồng thời bà T đã viết vào tờ giấy học sinh có nội dung là xác nhận đã nhận đủ tiền; Bà T viết “đã nhận đủ tiền” đồng thời ký ghi họ tên vào tờ giấy rồi đưa bà giữ; Bà T không giao cho bà tài sản gì để làm tin. Do là chị em quen biết cùng thôn nên bà nhiều lần cho bà T vay tiền trong đó có khoản vay 200.000.000đ ngày 04/5/2022. Ngày 20/6/2022 bà T trả 57.000.000đ (trước đó đã trả 150.000.000đ) là tiền bà T trả nợ cho khoản vay 200.000.000đ; Tính đến ngày 20/6/2022 bà T còn nợ 1.300.000đ và đến nay chưa trả nhưng bà không khởi kiện khoản này vì vậy bà khẳng định khoản vay 50.000.000đ vào 14/4/2022 thì bà T chưa trả cho đồng nào. Bà Sử Thị T có tên thường gọi là Ha”, còn bà có tên thường gọi là vay “Nu”. Tại đơn khởi kiện bà có yêu cầu cả chồng bà T là ông Đảng Thế V phải có nghĩa vụ trả nợ nhưng quá trình làm việc tại Tòa bà T khẳng định việc vay tiền là một mình bà T vay để làm ăn riêng chứ không liên quan đến chồng cho nên bà không khởi kiện ông V nữa mà chỉ khởi kiện một mình bà T. Ngày 29/4/2022 bà T trả nợ 100.000.000đ, lúc này có mặt em gái bà là bà Trương Thị Kim T1, bà T1 là người trực tiếp đếm tiền rồi đưa cho bà, đây là khoản nợ trước đó nữa. Về cách ghi chép trong giấy ghi nợ bà giải thích khi viết số tiền thì bà viết tắt cho nhanh bằng cách là bỏ ba chữ số không, cụ thể là 58.000.000đ thì ghi là “58.000” và 1.300.000đ sẽ viết tắt là “1.300”. Kể từ khi vay tiền thì bà T chưa trả cho bà được đồng nào vì vậy bà khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bà T phải trả cho bà tiền gốc đã vay là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*);

Về tiền lãi: Khi vay thì hai bên thỏa thuận bằng miệng số tiền lãi là 3%/tháng tuy nhiên nay bà chỉ yêu cầu bà T trả lãi theo quy định của ngân hàng N từ khi vay cho đến ngày Tòa án xét xử.

***Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Sử Thị T trình bày:***

Cơ bản các vấn đề mà nguyên đơn trình bày là đúng, chỉ có hai vấn đề không đúng đó là: Khoản vay 200.000.000đ bà vay bà L thì bà đã thanh toán xong thể hiện tại giữa tờ giấy học sinh (bút lục 23), bà L đã ghi “9 ngày 450 – 250 = 200 cho H, có Trắng” còn lại phần bà L ghi chép ở nửa cuối tờ giấy trên là quá trình trả nợ và chốt nợ của tổng các khoản vay bao gồm cả khoản vay 50.000.000đ mà bà đã vay bà L ngày 14/4/2022. Do bà chỉ còn nợ số nợ tổng của tất cả khoản

vay bà L là 1.300.000đ nên nay bà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền này. Về tiền lãi bà đồng ý thanh toán cho bà L lãi suất theo quy định của ngân hàng N kể từ thời điểm vay cho đến ngày Tòa án xét xử của số tiền 1.300.000đ.

***Quá trình tham gia tố tụng, người làm chứng bà Trương Thị Kim T1 trình bày:*** Ngày 20/6/2022 bà đã trực tiếp nhận 57.000.000đ của bà T trả nợ cho bà L vì bà L lúc đó đang bận công việc ở thành phố Hồ Chí Minh và kêu bà nhận giùm nhưng bà L và bà T đều không nói là số tiền này là trả cho khoản nợ nào. Ngoài ra còn 01 lần thì bà không nhớ ngày tháng có mặt bà T và bà L, bà T đã trả cho bà L 100.000.000đ, chính bà là người đếm tiền rồi đưa cho bà L.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:*

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L.
2. Buộc bà Sử Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị L số tiền đã vay là 50.000.000đ và tiền lãi là 4.037.500đ; Tổng cộng là 54.037.500đ (*Năm mươi tư triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, bị đơn bà Sử Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị L1 vì tất cả các khoản vay đã được bà T thanh toán hết cho bà L1.

**Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Giữa bà Trương Thị L cho bà Sử Thị T vay nhiều lần, các khoản vay đều được tính lãi suất. Các bên thừa nhận 04 khoản vay. Bà L khởi kiện cho rằng bà T chưa thanh toán khoản vay 50.000.000đ. Bà T cho rằng đã thanh toán hết tất cả các khoản vay cùng lãi suất. Bà L cung cấp nội dung diễn giải khoản vay 50.000.000đ cùng lãi suất để khởi kiện bà T. Tuy nhiên, việc diễn giải không chứng minh được là khoản vay nào. Nếu số tiền diễn giải liên quan đến phần còn lại của số tiền vay 200.000.000đ thì không thể cộng thêm 5.000.000đ tiền gốc và lãi suất của 5.000.000đ. Do đó, số tiền 57.000.000đ bà T trả cho bà L là trả cho khoản vay 50.000.000đ vào ngày 14/4/2022. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà T, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L, không buộc bà T phải trả cho bà L số tiền gốc 50.000.000đ và số tiền lãi 4.037.500đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng**

[1.1] Bà Sử Thị T kháng cáo trong thời hạn kháng cáo, đã nộp tạm ứng án phí nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết.

[1.2] Bị đơn bà Sử Thị T (tên gọi khác H) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn bà Trương Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ án.

[1.3] Các đương sự không tranh luận.

#### **[2] Xét nội dung kháng cáo:**

[2.1] Bà Trương Thị L (bà L) và bà Sử Thị T (bà T) cùng thừa nhận các khoản vay từ năm 2021 đến thời điểm khởi kiện theo thứ tự thời gian là: Khoản vay 5.000.000đ; Khoản vay 50.000.000đ; Khoản vay 200.000.000đ và khoản vay 100.000.000đ; Các khoản vay đều được bà L theo dõi trong sổ của bà L, bà L buộc bà T ký nhận nợ gốc vào sổ do bà L theo dõi, khi bà T trả tiền gốc và lãi thì bà L không cho bà T ký sổ. Chứng cứ theo dõi nợ do bà L giữ. Bà L cho rằng bà T chưa trả khoản nợ gốc 50.000.000đ và tiền lãi nên bà L khởi kiện bà T. Bà T cho rằng tất cả 04 khoản vay đã được bà T thanh toán đầy đủ cho bà L cả gốc và lãi. Như vậy, bà L là người giữ chứng cứ, các khoản nợ gốc bà L buộc bà T ký nhận nhưng khi bà T trả tiền gốc và lãi thì bà L không cho bà T ký, do đó bà L phải có nghĩa

vụ chứng minh bằng các tài liệu có sự xác nhận của bà T đối với khoản nợ mà bà L cho rằng bà T chưa trả.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L thừa nhận bà T đã trả các khoản vay trước và sau thời điểm phát sinh khoản vay 50.000.000đ. Bà L xác định thời điểm bà T vay 50.000.000đ là ngày 04/5/2022, nên khởi kiện và lập luận sau khi bà T trả 150.000.000đ đối với khoản tiền gốc 200.000.000đ thì bà T còn nợ lại 50.000.000đ cộng lãi đến ngày 20/6/2022 là 58.300.000đ sau đó bà T trả 57.000.000đ vào ngày 20/6/2022 và bà L cho bà T số dư là 1.300.000đ, đây là các khoản tất toán của tiền vay 200.000.000đ. Riêng số tiền gốc 50.000.000đ và lãi của số tiền vay 50.000.000đ thì bà L quên chưa tính, nay bà xác định bà T chưa trả nên khởi kiện.

Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy:

[2.3] Bà L đã thừa nhận bà T chỉ còn nợ khoản vay và lãi của 50.000.000đ nhưng tài liệu do bà L cung cấp diễn giải số tiền lãi của số tiền gốc 50.000.000đ là 2.250.000đ; Số tiền gốc 5.000.000đ và lãi là 6.050.000đ; Tổng gốc và lãi của hai khoản vay là 58.300.000đ. Việc diễn giải của bà L là mâu thuẫn vì bà L khẳng định thời điểm khởi kiện thì tất cả các khoản vay trước và sau khoản vay 50.000.000đ đã được bà T thanh toán hết cho bà L.

[2.4] Bà L cũng thừa nhận số tiền gốc 200.000.000đ đã được bà T thanh toán rồi nhưng trong sổ theo dõi bà L cũng không ghi ngày, tháng, năm bà T thanh toán. Từ đó, bà L cho rằng số tiền 57.000.000đ mà bà T trả cho bà là số dư của khoản vay 200.000.000đ là không có căn cứ. Mặt khác, nếu sau khi bà T thanh toán 57.000.000đ và còn thiếu lại 1.300.000đ thì tại sao bà L không cộng dư nợ gốc 50.000.000đ của những năm trước đó vào số tiền 1.300.000đ mà lại cho bà T số tiền 1.300.000đ. Bà Trung lập l cho rằng số tiền gốc 200.000.000đ và lãi đã được bà trả dứt điểm cho bà L nên bà L đã cho bà 200.000đ vào ngày 10/5/2022, được chứng minh tại giấy theo dõi nợ do bà L cung cấp. Tòa án nhận thấy lập luận của bà T là có căn cứ, chứng minh số tiền 57.000.000đ bà T trả cho bà L không liên quan đến số tiền gốc 200.000.000đ vì sổ theo dõi nợ bà L xác nhận 200.000.000đ đã được bà T trả hết.

[2.5] Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, chưa đầy đủ; Chưa phân tích các mâu thuẫn trong cách diễn giải đối với khoản tiền bà L dùng làm căn cứ khởi kiện bà T dẫn đến Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L buộc bà T trả số tiền gốc 50.000.000đ và 4.037.500đ tiền lãi là

không có căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận; Chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà Sử Thị T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị L.

**[3] Nghĩa vụ chịu án phí:**

- Yêu cầu kháng cáo của bà Sử Thị T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

- Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L nên bà L phải chịu 2.701.875đ (cách tính: 54.037.500đ x 5% = 2.701.875đ) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ Điều 308 khoản 2 của Bộ luật tố tụng dân sự;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng:** Điều 147 khoản 1; Điều 148 khoản 2, Điều 313 khoản 6 của Bộ luật tố tụng dân sự;

**Tuyên xử:**

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Sử Thị T đối với bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 07 - 3 - 2023 của Tòa án nhân dân huyện N; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 07 - 3 - 2023 của Tòa án nhân dân huyện N.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trương Thị L khởi kiện bà Sử Thị T trả số tiền gốc 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) và số tiền lãi 4.037.500đ (*Bốn triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*). Bà Sử Thị T không có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị L 54.037.500đ (*Năm mươi tư triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) (gồm 50.000.000đ tiền gốc và 4.037.500đ tiền lãi).

- Bà Trương Thị L phải chịu 2.701.875đ (*Hai triệu bảy trăm linh một nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0002918 ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà Trương Thị L còn phải nộp 1.451.875đ (*Một triệu bốn trăm năm mươi một nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Sử Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0007353 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (13/6/2023)/.

**Nơi nhận:**

- TAND huyện N;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hàng Lâm Viên**